

STRESS TRONG CÔNG VIỆC CỦA ĐIỀU DƯỠNG VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Thị Ngọc Phương^{1*}, Trần Thị Xuân Giao²,
Dương Phúc Thiên Trang¹, Nguyễn Thị Ngọc²

1. Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bệnh viện Thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh

*Email: ntnphuong@ump.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Stress trong công việc của điều dưỡng ảnh hưởng đến hiệu quả chăm sóc, giảm sự hài lòng của người bệnh và tăng cao tỉ lệ bỏ nghề. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát stress trong công việc điều dưỡng và các yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả khảo sát 222 điều dưỡng đang làm việc tại các khoa lâm sàng. Bộ câu hỏi Stress của điều dưỡng – Nursing Stress Scale được thiết kế khảo sát trực tuyến. Các phép kiểm tương quan Pearson, kiểm định hai trung bình T – test, ANOVA được dùng để phân tích số liệu. **Kết quả:** Stress trong công việc của điều dưỡng ở mức thấp ($0,76 \pm 0,34$). Nhóm nguyên nhân gây stress nhiều nhất là khối lượng công việc ($1,03 \pm 0,48$) và thiếu kiến thức và sự chuẩn bị tâm lý của điều dưỡng ($0,85 \pm 0,50$). Stress có mối liên quan với khoa điều dưỡng làm việc ($p=0,001$), kiêm nhiệm nhiệm vụ khác ($p=0,033$) và số ngày trực trong tuần ($r=0,159$; $p=0,018$). **Kết luận:** Stress trong công việc của ĐD

ở mức thấp và đơn vị làm việc, sự kiêm nhiệm, thời gian trực là các yếu tố liên quan đến stress. Bổ sung nhân sự và tổ chức các lớp tập huấn về tâm lý cho điều dưỡng là cần thiết.

Từ khóa: stress, điều dưỡng, các yếu tố liên quan

ABSTRACT

WORK STRESS OF NURSES AND ASSOCIATED FACTORS

Nguyen Thi Ngoc Phuong^{1}, Tran Thi Xuan Giao²,
Duong Phuc Thien Trang¹, Nguyen Thi Ngoc²*

1. University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City

2. Thu Duc City Hospital - Ho Chi Minh City

Background: Nurses' work stress impacted the effectiveness of nursing care, patient satisfaction, and turnover rate. **Objective:** To examine work stress and to find out some associated factors among nurses. **Materials and methods:** A cross-sectional study on 222 nurses working in clinical departments was conducted by using The Nursing Stress Scale - NSS for an online survey. Pearson's Correlation, T-Test, and ANOVA tests were used to analyze the data. **Results:** Stress in nursing work was low (0.76 ± 0.34). The factor group indicated highest nurses' stress was the workload (1.03 ± 0.48) and followed by inadequate emotional preparation (0.85 ± 0.50). Stress was associated with nurses' working department ($p=0.001$), additional duties ($p=0.033$), and the number of night shifts per week ($r=0.159$; $p=0.018$). **Conclusion:** The work stress of nurses was low and associated factors were the working department, additional duties, and the number of the night shift. Additional personnel and psychological training courses for nurses were necessary.

Keywords: Stress, nurses, related factors.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), stress liên quan đến nghề nghiệp là phản ứng có thể có của con người khi yêu cầu, áp lực công việc không phù hợp với kiến thức và khả năng, cũng như thách thức sự ứng phó của họ [12]. Nghề điều dưỡng (ĐD) là nghề chịu trách nhiệm chăm sóc và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho người bệnh, gia đình người bệnh một cách nhân văn, có tính trách nhiệm cao, đòi hỏi sự thấu cảm và phù hợp với văn hoá. Để chăm sóc người bệnh với chất lượng cao nhưng nguồn lực bị hạn chế sẽ không tránh khỏi những căng thẳng trong công việc của ĐD [8]. Stress trong công việc ảnh hưởng đến tình trạng sức khoẻ tinh thần và thể chất, ảnh hưởng đến khả năng làm việc, sự hài lòng và chất lượng làm việc [8], [10].

Đã có nhiều nghiên cứu cho thấy tỷ lệ stress cao ở ĐD như nghiên cứu của Knezevic và cộng sự lên đến 76,7% hay nghiên cứu tại Việt Nam trên ĐD bệnh viện Chợ Rẫy với tỷ lệ stress 42,9% [6], [9]. Trong đó các yếu tố gây stress được tìm thấy như không đủ nguồn lực, thu nhập, làm việc vào ban đêm, bệnh nhân không thể chữa khỏi, cảm xúc của ĐD liên quan đến tình trạng bệnh hoặc cái chết của người bệnh và quá tải công việc [6], [9].

Điều này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc của hệ thống y tế, dẫn đến giảm sự hài lòng của người bệnh và tình trạng thiếu hụt nhân lực quan trọng do tỉ lệ bỏ nghề cao [11]. Tìm hiểu các tình huống gây stress cho ĐD và các yếu tố liên quan sẽ là dữ liệu cần thiết để thay đổi chính sách, cải thiện môi trường làm việc nhằm phát huy nguồn lực quan trọng của hệ thống y tế. Với mong đợi đó, nghiên cứu "Stress trong công việc của ĐD và các yếu tố liên quan" được tiến hành tại bệnh viện Thành phố Thủ Đức, một bệnh viện hạng I, chịu trách nhiệm chăm sóc cho một vùng dân rộng lớn và đa dạng. Mục tiêu nghiên cứu:

+ Đo lường mức độ stress trong công việc của ĐD.

+ Xác định mối quan hệ giữa stress trong công việc của ĐD với các đặc điểm cá nhân và đặc điểm công việc.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát 222 ĐD lâm sàng đang làm việc tại Bệnh viện Thành phố Thủ Đức trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 11/2021.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** ĐD đang làm tại các khoa lâm sàng, có thâm niên trên 6 tháng, đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** ĐD ở vai trò quản lý, đang đi học tập trung, hoặc đang nghỉ phép không lương, nghỉ hộ sản, nghỉ ốm dài hạn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

- **Cỡ mẫu:** Công thức ước lượng theo một tỉ lệ được áp dụng để tính cỡ mẫu với p là trị số mong muốn tỉ lệ stress được lấy từ kết quả của nghiên cứu Nguyễn Trung Tàn với tỉ lệ ĐD bị stress là 14,7% [5] và xác suất sai lầm loại 1 ($\alpha = 0,05$), sai số ước tính 0,05. Kết quả tính được cỡ mẫu tối thiểu 193. Chọn mẫu thuận tiện được áp dụng cho đến khi đủ số lượng nghiên cứu thì ngưng. Tổng số phiếu trả lời thu được là 222 phiếu.

- **Nội dung nghiên cứu:** Số liệu được thu thập qua bộ câu hỏi được thiết kế dưới dạng biểu mẫu của Google (Google form), sau đó gửi đường liên kết (link) đến các ĐD thông qua nhóm Zalo của các khoa lâm sàng. Bộ câu hỏi tự điền gồm 2 phần:

+ **Phần 1:** Đặc điểm của đối tượng tham gia nghiên cứu bao gồm 6 yếu tố cá nhân (giới tính, tuổi, tình trạng hôn nhân, số con, tình trạng sống chung, nơi ở hiện tại) và 7 yếu tố công việc (Nơi làm việc, trình độ chuyên môn, kiêm nhiệm chức vụ, số năm làm việc, số giờ làm việc trong tuần, số ngày trực trong tuần, và thu nhập mỗi tháng).

+ **Phần 2:** Bộ câu hỏi thang đo stress ĐD (Nursing Stress Scale – NSS), được chuyển ngữ và sử dụng trong một số nghiên cứu tại Việt Nam [2], [4]. NSS gồm 34 tình huống chia thành 7 nhóm yếu tố có khả năng gây ra stress thường gặp nhất trong công việc của ĐD: (1) Khối lượng công việc (6 câu), (2) thiếu kiến thức và sự chuẩn bị tâm lý của ĐD (3 câu), (3) nhóm yếu tố liên quan đến cái chết và sự chịu đựng của người bệnh (NB) (7 câu), (4) mối quan hệ trong công việc (3 câu), (5) sự mâu thuẫn với bác sĩ (5 câu), (6) sự mâu thuẫn với ĐD khác (5 câu), (7) nhóm yếu tố liên quan đến việc điều trị người bệnh (5 câu). Có 4 mức độ lựa chọn cho từng tác nhân từ không bao giờ (0), thỉnh thoảng (1), thường xuyên (2), rất thường xuyên (3). Tổng điểm tần số mắc stress được tính bằng cộng điểm của các đáp án đã chọn của 34 tác nhân. Điểm trung bình với khoảng giá trị từ 0 đến 102 điểm, sau đó quy về thang điểm 3. Điểm trung bình càng cao stress càng thường xuyên hơn.

- **Xử lý thống kê số liệu:** Tất cả dữ liệu phản hồi được nhập, kiểm tra, mã hóa, làm sạch và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Thống kê mô tả bằng tỉ lệ phần trăm, điểm trung bình (độ lệch chuẩn). Phép kiểm T-test độc lập, ANOVA, tương quan Pearson được dùng để tìm mối liên hệ giữa stress của ĐD với các thông tin về đặc điểm cá nhân và công việc. Kết quả có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

- **Đạo đức nghiên cứu:** Nghiên cứu được phê duyệt bởi Hội đồng Đạo đức Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (số IRB – VN01002 ký ngày 04/12/2020).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của dân số nghiên cứu

Đôi tượng tham gia khảo sát gồm 222 ĐD có độ tuổi trung bình là $29,26 \pm 4,81$, chủ yếu là nữ (78,8%), đã kết hôn (50,9%), chưa có con (53,6%), sống ở nhà trọ (65,3%) và sống với người thân (76,6%). Phần lớn ĐD làm việc tại khoa nội (38,7%) và khoa hồi sức cấp cứu (34,3%), kế đến là khoa ngoại (14,4%) và chuyên khoa lẻ (12,6%). Hầu hết ĐD có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, chỉ có 6,8% trung cấp. Thâm niên trung bình làm việc tại bệnh viện là $6,34 \pm 4,02$ và có kiêm nhiệm công việc khác là 18%. Số giờ làm việc trong tuần trung bình là $57,01 \pm 17,24$, trong đó trung bình số ngày trực là $1,65 \pm 1,07$. ĐD báo cáo thu nhập trung bình mỗi tháng là $7,81 \pm 1,69$ triệu đồng.

3.2. Stress trong công việc của ĐD

Bảng 1. Stress trong công việc của ĐD (n= 222)

| | Trung bình± Độ lệch chuẩn |
|---|------------------------------|
| Stress trong công việc của ĐD (chung) | $0,76 \pm 0,34$ |
| Bảy nhóm yếu tố gây stress cho ĐD | |
| Khối lượng công việc | $1,03 \pm 0,48$ |
| Thiếu kiến thức và sự chuẩn bị tâm lý của ĐD | $0,85 \pm 0,50$ |
| Nhóm yếu tố liên quan đến cái chết và sự chịu đựng của NB | $0,80 \pm 0,38$ |
| Mối quan hệ trong công việc | $0,74 \pm 0,57$ |
| Sự mâu thuẫn với bác sĩ | $0,66 \pm 0,39$ |
| Sự mâu thuẫn với ĐD khác | $0,65 \pm 0,39$ |
| Nhóm yếu tố liên quan đến việc điều trị BN | $0,53 \pm 0,42$ |

Nhận xét: Điểm trung bình mức độ stress của ĐD là $0,76 \pm 0,34$. Trong đó, nhóm khối lượng công việc có điểm trung bình cao nhất là $1,03 \pm 0,48$; kế đến là thiếu kiến thức và sự chuẩn bị tâm lý của ĐD ($0,85 \pm 0,50$). Nhóm yếu tố liên quan đến việc điều trị NB ($0,53 \pm 0,42$) có điểm trung bình thấp nhất bằng 1.

Bảng 2. Các yếu tố gây stress nhiều nhất cho ĐD (n= 222)

| | Các yếu tố gây stress nhiều nhất cho ĐD | Trung bình± Độ lệch chuẩn |
|----|--|------------------------------|
| 1 | Gặp sự cố khi thao tác trên máy tính và sử dụng phần mềm quản lý NB | $1,41 \pm 0,68$ |
| 2 | Chứng kiến NB đau đớn | $1,34 \pm 0,74$ |
| 3 | Thực hiện các thủ thuật gây đau cho NB | $1,17 \pm 0,71$ |
| 4 | Không đủ thời gian để hoàn thành hết các nhiệm vụ của ĐD | $1,09 \pm 0,75$ |
| 5 | Không đủ ĐD để hoàn thành tốt công việc của khoa | $1,09 \pm 0,82$ |
| 6 | Không đủ thời gian để đưa ra hỗ trợ về cảm xúc/tinh thần cho NB | $1,01 \pm 0,71$ |
| 7 | Chứng kiến NB tử vong | $0,98 \pm 0,67$ |
| 8 | Quá nhiều nhiệm vụ không liên quan đến công việc ĐD, như công việc văn phòng | $0,96 \pm 0,75$ |
| 9 | Khó khăn trong việc phối hợp với ĐD khoa khác | $0,92 \pm 0,69$ |
| 10 | Thiếu trang bị để hỗ trợ về mặt tinh thần cho gia đình NB | $0,91 \pm 0,70$ |

Nhận xét: Khi phân tích 34 yếu tố gây stress cho ĐD, kết quả cho thấy 10 yếu tố gây stress nhất cho ĐD được thể hiện trong bảng 2.

3.3. Các yếu tố liên quan đến stress của ĐD

Kết quả cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về stress của ĐD ở các khoa làm việc ($p=0,001$), stress của ĐD ở khoa nội cao ($0,82 \pm 0,37$) hơn khoa ngoại ($0,61 \pm 0,35$) và chuyên khoa lẻ ($0,60 \pm 0,35$), stress của ĐD ở khoa hồi sức cấp cứu ($0,80 \pm 0,27$) cao hơn khoa ngoại ($0,61 \pm 0,35$). Nghiên cứu cũng cho thấy ĐD kiêm nhiệm thêm chức vụ khác có stress cao hơn không có kiêm nhiệm ($p=0,033$) và có số ngày trực trong tuần càng cao thì stress càng cao ($r=0,159$; $p=0,018$)

Bảng 3. Mối liên quan giữa stress của ĐD với các đặc điểm cá nhân và đặc điểm công việc (n= 222)

| Đặc tính mẫu | Điểm Stress của Điều dưỡng | t/F/r | p |
|---------------------------------|----------------------------|---------------------|-------|
| Giới tính | | 0,729 ^a | 0,467 |
| Nam | 0,79 ± 0,36 | | |
| Nữ | 0,75 ± 0,34 | | |
| Tuổi | | -0,067 ^c | 0,321 |
| Tình trạng hôn nhân | | 1,550 ^a | 0,122 |
| Độc thân/ Li hôn | 0,79 ± 0,35 | | |
| Đã kết hôn | 0,72 ± 0,33 | | |
| Số con | | 2,266 ^b | 0,106 |
| Chưa có con | 0,80 ± 0,34 | | |
| 1 con | 0,69 ± 0,31 | | |
| 2 con trở lên | 0,71 ± 0,36 | | |
| Sống chung với ai không | | 1,556 ^a | 0,121 |
| Không | 0,82 ± 0,35 | | |
| Có | 0,74 ± 0,34 | | |
| Nơi ở hiện tại | | 0,931 ^a | 0,353 |
| Nhà trọ | 0,77 ± 0,32 | | |
| Nhà riêng/ Nhà bố mẹ | 0,73 ± 0,38 | | |
| Nơi làm việc | | 5,452 ^b | 0,001 |
| Khoa nội | 0,82 ± 0,37 | | |
| Khoa ngoại | 0,61 ± 0,35 | | |
| Khoa hồi sức cấp cứu | 0,80 ± 0,27 | | |
| Chuyên khoa lẻ | 0,60 ± 0,35 | | |
| Trình độ | | 0,357 ^b | 0,700 |
| Trung cấp | 0,83 ± 0,31 | | |
| Cao đẳng | 0,76 ± 0,32 | | |
| Đại học trở lên | 0,75 ± 0,37 | | |
| Kiểm thêm chức vụ khác | | -2,146 ^a | 0,033 |
| Không | 0,73 ± 0,32 | | |
| Có | 0,86 ± 0,44 | | |
| Số năm làm việc tại bệnh viện | | -0,103 ^c | 0,126 |
| Số giờ làm việc trong tuần | | 0,025 ^c | 0,713 |
| Số ngày trực trong tuần | | 0,159 ^c | 0,018 |
| Thu nhập mỗi tháng (triệu đồng) | | -0,068 ^c | 0,314 |

t và ^a: T-test

F và ^b: ANOVA

r và ^c: Tương quan Pearson

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của dân số nghiên cứu

Đối tượng trong nghiên cứu chủ yếu là nữ, đã lập gia đình, có độ tuổi trung bình khá trẻ (dưới 30 tuổi) và sống cùng người thân, kết quả này tương tự với nghiên cứu của Tăng Thị Hảo và cộng sự (2019) [1] và Nguyễn Thị Thanh Hương và cộng sự (2019) [2]. Tuy nhiên, tỉ lệ sống ở nhà trọ khá cao, điều này cho thấy đa phần ĐD ở bệnh viện đến từ nhiều nơi khác và thu nhập chưa đủ để có nhà riêng. Điều dưỡng ở trình độ đại học chiếm khoảng 50%, tuy nhiên vẫn còn 6,8% ở bậc trung cấp. Điều này cho thấy năng lực ở ĐD ở bệnh viện đạt mức cao hơn so với các nghiên cứu trước [1], [2]. Tuy nhiên, bệnh viện cũng cần có chiến lược nâng cao trình độ cho ĐD ở bậc trung cấp trong thời gian sớm nhất.

4.2. Stress trong công việc của ĐD

Stress của ĐD ở mức thấp ($0,76 \pm 0,34$), điều này tương tự như nghiên cứu của [1] nhưng thấp hơn so với nghiên cứu của một bệnh viện chuyên khoa tâm thần [2]. Có thể là do địa điểm khảo sát trong nghiên cứu này là một bệnh viện đa khoa, chăm sóc chủ yếu những người bệnh có trạng thái tinh thần tỉnh, tự ý thức được bản thân và có khả năng phối hợp tốt trong công tác chăm sóc

Việc khảo sát trong thời gian dịch Covid-19 cũng ít nhiều làm tăng khối lượng cho nhân viên y tế nhất là ĐD. Do người bệnh phải cách ly với người nhà nên việc chăm sóc phụ thuộc hoàn toàn vào ĐD. Ngoài ra các công tác hỗ trợ phòng chống dịch như nhận và đăng ký các suất ăn, phun và khử khuẩn các khu vực, đăng ký và hỗ trợ người bệnh tiêm vaccin cũng ngoài mô tả công việc thường quy của ĐD các khoa lâm sàng. Do đó, trong kết quả số giờ làm việc trong tuần của ĐD khá cao ($57,01 \pm 17,24$). Vì vậy mà nhóm yếu tố gây stress cao nhất cho ĐD là khối lượng công việc, kết quả này phù hợp với nghiên cứu của tại bệnh viện K vào năm 2021 [3], nhưng khác với những nghiên cứu được tiến hành vào thời điểm 2019 [1], [2]. Sự khác biệt này có thể là do giai đoạn gần đây, các bệnh viện đang trong giai đoạn chuyển giao ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý người bệnh. Đó cũng là lý do, ĐD báo cáo yếu tố gây stress cao nhất là “Gặp sự cố khi thao tác trên máy tính và sử dụng phần mềm quản lý NB”. Nhóm yếu tố “Thiếu kiến thức và sự chuẩn bị tâm lý” là nhóm yếu tố gây stress thứ 2 cho ĐD. Trong nghiên cứu tại bệnh viện K cho kết quả tương tự [3]. Nghiên cứu này được khảo sát trong giai đoạn Thành phố Hồ Chí Minh vừa bước qua giai đoạn đỉnh điểm của dịch COVID-19, ngoài sự quá tải trong công việc chăm sóc thể chất, ĐD còn đối diện với những mất mát, đau buồn của NB và gia đình của họ. Tuy nhiên, trong chương trình đào tạo ĐD trước đây và trong đa số bệnh viện, các chương trình tập huấn trang bị kiến thức cho ĐD về lĩnh vực này chưa được chú trọng. Do đó, trong 2 yếu tố liên quan đến cảm xúc cũng nằm trong 10 yếu tố gây stress nhất cho ĐD.

Số ngày trực trong tuần càng cao, stress của ĐD càng cao. Có nhiều nghiên cứu cho kết quả tương tự [2], [7]. Số ngày trực tăng, dẫn đến số giờ làm việc tăng và sự rối loạn về nhịp sinh học là những yếu tố làm cho ĐD trở nên mệt mỏi và căng thẳng hơn trong công việc. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này sự tương quan chưa thật sự mạnh ($r = 0,159$), do đó các nghiên cứu tiếp theo cần làm rõ hơn mối quan hệ này. Khối lượng công việc của ĐD được báo cáo là nhóm yếu tố gây stress nhiều nhất cho ĐD, do đó việc kiêm nhiệm thêm nhiệm vụ khác sẽ tác động mạnh mẽ hơn đến stress của ĐD.

4.3. Các yếu tố ĐD

ĐD không có sự khác biệt về stress dựa trên giới tính, số con, tình trạng sống chung, nơi ở, hay thâm niên làm việc của ĐD. Điều này cũng tìm thấy trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Hương (2019) [2]. Tuy nhiên, tuổi, trình độ chuyên môn của ĐD là yếu tố liên quan đến tình trạng stress trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Hương. Điều này có thể là do đa số ĐD trong nghiên cứu này tuổi không chênh lệch nhiều, và trình độ trung cấp chỉ còn lại một số lượng nhỏ.

Về phương pháp, đây là một nghiên cứu khảo sát cắt ngang tại một thời điểm và thuận tiện trong chọn mẫu nên có sự hạn chế trong khái quát hoá kết quả nghiên cứu. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể cần gia tăng cỡ mẫu, chọn mẫu ngẫu nhiên và có thể khảo sát theo dõi tại nhiều thời điểm trong năm hay đa trung tâm để có bức tranh toàn diện hơn về vấn đề stress của ĐD, từ đó có những chính sách can thiệp kịp thời để giữ chân nguồn lực quan trọng này.

V. KẾT LUẬN

Mức độ stress trong công việc của ĐD ở mức thấp ($0,76 \pm 0,34$). Nhóm yếu tố khối lượng công việc và chưa có sự trang bị về cảm xúc là 2 nhóm yếu tố gây stress cao nhất ở ĐD. Đặc trưng khoa phòng, sự kiêm nhiệm thêm nhiệm vụ khác và số ngày trực trong tuần là những yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê với tần suất stress của ĐD. Nhân sự ĐD và các chương trình bồi dưỡng về tâm lý, cảm xúc như hỗ trợ người bệnh về đau buồn, mất mát cần được bổ sung.

LỜI CẢM ƠN

Các tác giả trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ từ Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện Thành phố Thủ Đức trong quá trình thực hiện đề tài này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tăng Thị Hào, Tăng Thị Hải, Đỗ Minh Sinh (2019), Thực trạng Stress nghề nghiệp ở điều dưỡng viên tại bệnh viện nhi Thái Bình năm 2019. *Khoa học Điều dưỡng*, 2(3), tr.5-12.
2. Nguyễn Thị Thanh Hương, Huỳnh Ngọc Vân Anh, Tô Gia Kiên (2019), Stress nghề nghiệp và các yếu tố liên quan ở điều dưỡng bệnh viện tâm thần trung ương 2. *Tạp chí Y học TP HCM*, 23(5), tr.242-251.
3. Hoàng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Minh An, Vũ Đình Sơn (2021), Thực trạng stress và các yếu tố liên quan của điều dưỡng tại bệnh viện K cơ sở 2 năm 2021. *Khoa học điều dưỡng*, 4(3), tr.159 -168.
4. Trần Thị Ngọc Mai (2012), Thực trạng Stress nghề nghiệp của Điều dưỡng lâm sàng đang học hệ cử nhân vừa làm vừa học tại trường đại học Thăng Long và đại học Thành Tây. *Y học thực hành*, 914(4), tr.129-135.
5. Nguyễn Trung Tấn (2012), *Stress của nhân viên y tế tại bệnh viện tâm thần Tiền Giang*. Luận văn thạc sĩ tâm lý y học, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Trần Thị Hồng Thắm (2014). *Stress và đối phó stress của điều dưỡng lâm sàng tại bệnh viện Chợ Rẫy*. Luận văn thạc sĩ điều dưỡng, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh.
7. Dobnik M, Maletič M, & Skela-Savič B (2018), Work-Related Stress Factors in Nurses at Slovenian Hospitals - A Cross-sectional Study. *Zdravstveno varstvo*, 57(4), pp.192–200.
8. Khamisa N, Oldenburg B, Peltzer K, *et al.* (2015), Work-related stress, burnout, job satisfaction and general health of nurses. *Int J Environ Res Public Health*, 12, pp.652–666.

9. Knezevic B, Milosevic M, Golubic R, Belosevic L, Russo A, Mustajbegovic, J (2011), Work-related stress and work ability among Croatian university hospital midwives. *Midwifery*, 27(2), pp.146-153.
 10. Manabete S, John C, Makinde A, *et al.* (2016), Job stress among school administrators and teachers in Nigerian secondary schools and technical colleges. *Int J Educ Learn Dev*, 4, pp.1–9.
 11. Park SA, Ahn SH (2015), Relation of compassionate competence to burnout, job stress, turnover intention, job satisfaction and organizational commitment for oncology nurses in Korea. *Asian Pacific J Cancer Prev*, 16, 5463–9.
 12. WHO (2020), Occupational health: Stress at the workplace.
(Ngày nhận bài: 15/10/2022- Ngày duyệt đăng: 08/12/2022)
-